



QUẢN LÝ TỔNG HỢP CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẦM PHÁ DỰ ÁN IMOLA

BÁO CÁO

HỘI THẢO XÁC ĐỊNH NHU CẦU TẬP HUẤN LẦN THỨ NHẤT

Bản dịch

Xã Điền Hải, 19-20 tháng Một 2006



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ



Báo cáo

**HỘI THẢO XÁC ĐỊNH NHU CẦU TẬP HUẤN
LẦN THỨ NHẤT**

**Xã Điền Hải
19-20 tháng Giêng 2006**

MỤC LỤC

- I. GIỚI THIỆU ... 2
- II. KHAI MẠC VÀ TỔ CHỨC HỘI THẢO ... 1
- III. TRÌNH BÀY VÀ THẢO LUẬN NHÓM NGÀY THỨ NHẤT ... 2
- III. TRÌNH BÀY VÀ THẢO LUẬN NGÀY THỨ HAI ... 5
- IV. KẾT THÚC HỘI THẢO ... 7
- V. PHÂN TÍCH MỘT SỐ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TỪ HỘI THẢO ... 8

I. GIỚI THIỆU

1. Chính phủ Việt Nam và Ủy Ban Nhân dân tỉnh miền trung Việt Nam Thừa Thiên Huế đã yêu cầu sự hỗ trợ kĩ thuật từ tổ chức Nông Lương Liên hợp quốc (FAO) nhằm quản lí bền vững nguồn thủy sản ở đầm phá Tam Giang. Với sự hỗ trợ tài chính từ chính phủ Italia, FAO đã triển khai thực hiện dự án hướng đến cải thiện sinh kế của người dân sống dựa vào đầm phá Tam Giang thông qua việc đẩy mạnh sự quản lý bền vững các nguồn lợi thủy sinh của đầm phá có sự tham gia của người dân, phù hợp với hệ thống sản xuất và kinh tế xã hội, các yêu cầu về dân số và chú trọng đặc biệt tới vai trò về giới, đảm bảo an ninh lương thực và giảm nghèo. Dự án này mang tên "Dự án quản lý tổng hợp các hoạt động đầm phá ở tỉnh Thừa Thiên Huế", viết tắt là dự án IMOLA (GCP/VIE/029/ITA).

2. Các mục tiêu trước mắt của dự án bao gồm: 1) Nhằm bắt được các vấn đề thực tại ở vùng đầm phá, liên quan đến thực trạng và việc sử dụng nguồn lợi thủy sinh, hoạt động của con người, trách nhiệm của các thiết chế và các hoạt động quản lý; 2) Trên cơ sở sử dụng bền vững các nguồn lợi tự nhiên trong vùng đầm phá để xác định các vấn đề ưu tiên với nỗ lực hỗ trợ thực tiễn, phát triển những chính sách quản lý mới nhằm cải thiện sinh kế người dân và giảm rủi ro cho người dân nghèo sống dựa vào đầm phá nguồn lợi đầm phá. Nên phát triển những chính sách này theo hướng có sự tham gia của người dân nhằm đem lại Kế Hoạch Quản Lý Đầm phá sơ bộ trên cơ sở tôn trọng về giới, mà kế hoạch đó chú ý đặc biệt đến việc giảm nghèo cho cộng đồng dân cư không có đất và cư dân đầm phá; 3) Chuẩn bị thực hiện kế hoạch quản lý, bao gồm việc chuẩn bị thực hiện một cách chính thức kế hoạch, chiến lược thực hiện ở tất cả các cấp, xây dựng năng lực, cũng như xác định nguồn tín dụng, các khoản tiết kiệm, bảo hiểm và các nhu cầu của các tổ chức cũng như yêu cầu đầu tư; 4) Củng cố năng lực thiết chế cấp huyện để một khi Kế hoạch Quản lý được thông qua thì nó sẽ được thực hiện một cách chủ động theo chiến lược đề ra và để các thiết chế cấp huyện có thể tự mình hình thành và thực hiện các chính sách liên quan đến việc quản lý hệ thống đầm phá bền vững về mặt môi trường và xã hội; 5) Phổ biến các kết quả thu được trên phạm vi quốc gia và quốc tế để những người khác sử dụng những kết quả đó như những ví dụ để hình thành các Dự án quản lý của mình. Thông qua việc phổ biến những kiến thức thu được này, thu hút sự quan tâm của các nhà đầu tư và các cơ quan chính phủ thực hiện các dự án tương tự ở những tỉnh khác của Việt Nam.

3. Dự án đã triển khai các hoạt động vào tháng Tám 2005, và tổ chức hội thảo khởi động dự án vào tháng Chín năm 2005. Hội thảo xác định nhu cầu tập huấn lần thứ nhất được tổ chức ở trung tâm xã Điền Hải, huyện Phong Điền, vào ngày 19 và 20 tháng Giêng 2006 với những mục tiêu sau:

- Phân tích xem cần phải xây dựng năng lực chính thức và không chính thức nào cho người dân đánh bắt và nuôi trồng thủy sản ở Phá Tam Giang, nhằm nâng cao năng lực chuyên môn cho họ và góp phần vào việc sử dụng bền vững các nguồn lợi đầm phá.
- Thiết kế một chương trình xây dựng năng lực với mục tiêu rõ ràng, đặc trưng, có thể đánh giá được, mang tính thực tiễn, có tính chất tương quan và kịp thời.

- Hình thành danh sách ngành nghề ít nhất bao gồm ngư dân và những người nuôi trồng thủy sản nhằm tránh cung cấp những khóa tập huấn không cần thiết và sai đối tượng.

4. 61 người đã tham gia hội thảo, bao gồm ngư dân, người nuôi tôm, nuôi cá, phụ nữ buôn cá, cán bộ khuyến ngư, lãnh đạo xã, đại diện hội nghề cá cấp huyện và xã, đại diện hội phụ nữ, cán bộ của sở Thủy sản Tỉnh (DOFI), cán bộ dự án IMOLA, cán bộ nước ngoài đại diện cho NACA và FAO. Có thể tìm thấy danh sách thành phần tham gia ở Phụ lục I của báo cáo này. Hội thảo đã thông qua chương trình làm việc có trong phụ lục II.

II. KHAI MẠC VÀ TỔ CHỨC HỘI THẢO

5. Ông Nguyễn Việt Vĩnh, Quản đốc quốc gia của dự án IMOLA đón tiếp những người tham gia. Sau lời phát biểu của ông Vĩnh thì ông Cao Huy Bửu, chủ tịch UBND xã Điền Hải, thay mặt cho lãnh đạo xã và huyện bày tỏ sự cảm kích vì dự án IMOLA đã tổ chức một sự kiện như thế này ở địa bàn xã. Ông Bửu hoan nghênh tất cả những người tham gia (cán bộ trong và ngoài nước), giải thích tầm quan trọng của hội thảo đối với xã. Ông cho biết hơn 20% dân số của xã sống phụ thuộc hoàn toàn vào đầm phá và nguồn lợi thủy sản từ đầm phá. Ông còn nói thêm rằng ông hi vọng dự án IMOLA sẽ hỗ trợ xã nâng cao việc quản lý đầm phá và giúp người dân sử dụng tốt hơn nguồn lợi đầm phá.

6. Giáo sư Massimo Sarti, Cố vấn trưởng (CTA) của dự án IMOLA thay mặt cho toàn thể cán bộ dự án bày tỏ sự cảm ơn của mình đối với chính quyền xã vì đã tạo điều kiện cho dự án tổ chức một trong những hoạt động thực địa đầu tiên của mình tại địa bàn xã.

Ông Massimo cho biết xã Điền Hải được chọn là nơi tổ chức hoạt động đầu tiên này dựa trên cơ sở thủy sản là hoạt động kinh tế quan trọng ở địa bàn xã và chính quyền xã đang tích cực hỗ trợ dự án tổ chức sự kiện này. Sau đó ông nêu lên những mục tiêu của hội thảo và nói với những người tham gia rằng hội thảo này sẽ tạo tiền đề cho dự án thực hiện các hoạt động thực tế trong tương lai không xa.

Ông đề nghị những người tham gia xem đây như một cơ hội trình bày cho dự án biết những mong muốn của họ liên quan đến việc xây dựng năng lực từ phía dự án. Ông cũng đề cập đến thực trạng môi trường và đặc biệt là yêu cầu phòng chống ô nhiễm và việc khai thác quá mức môi trường nước vì cả việc phát triển nghề cá lẫn nuôi trồng thủy sản đều phụ thuộc vào môi trường này.

7. Tiếp theo đó tất cả những người tham gia được yêu cầu giới thiệu một cách ngắn gọn về bản thân để mọi người biết nhau rõ hơn. Hội thảo do Ông quản đốc quốc gia của dự án IMOLA chủ trì.

III. TRÌNH BÀY VÀ THẢO LUẬN TRONG NGÀY THỨ NHẤT

8. Ông Davide Fezzardi, tư vấn người nước ngoài của Mạng lưới các trung tâm Nuôi trồng Thủy sản ở Châu á Thái bình dương (NACA) tổ chức hoạt động đầu tiên của hội thảo trong đó xác định các hoạt động mang lại thu nhập chính cho người dân liên quan đến nguồn lợi thủy sản đầm phá.

Danh sách sau được hình thành trên cơ sở lấy ý kiến từ người tham gia:

Điểm	Nuôi trồng thủy sản	Điểm	Đánh bắt thủy sản (thông qua ngư cụ sử dụng)	Điểm	Các hoạt động khác liên quan đến nguồn lợi đầm phá
		1	Nò sáo	4	Bán thức ăn nuôi trồng thủy sản
2a	Nuôi cá lồng	2	Lưới móc	3	Sửa chữa thuyền và đóng thuyền nhỏ
2c	Nuôi cá ao	5	Đi câu	1	Quản lý nguồn lợi đầm phá
1	Nuôi tôm trong ao (tôm sú)	2	Mò ốc vẹm	2	Bán tôm cá
5	Nuôi cua trong ao	3	Nò bắt cá đối		
4	Nuôi xen canh cá và tôm trong ao	5	Lưới bùa		
2b	Nuôi tôm trong ao	4	Rà điện		
3b	Ương tôm giống	8	Giã cào		
3a	Ương cá giống	6	Ngư cụ (nhử và gom cá)		
6	Nuôi cá trên ruộng lúa	8	Cào hến sò		
		5	Lưới cua		
			Te điện		
		3	Cào lươn		

▪ Bảng 1. Mức độ quan trọng của mỗi hoạt động so với các hoạt động khác trong từng danh mục, theo đánh giá của từng người dân.

9. Danh sách này được sử dụng để đánh giá hoạt động nào dễ đem lại hiệu quả. Theo những người tham gia thì hoạt động đánh bắt thủy sản dễ thực hiện trong khi đó nuôi trồng thủy sản, buôn bán và các hoạt động liên quan đến quản lý thì khó hơn nhiều.

10. Trong giờ thảo luận diễn ra ngay sau đó, người ta nêu ý kiến chung về các vấn đề họ đang gặp phải trong đánh bắt cá, nuôi trồng thủy sản và quản lý đầm phá. Người ta tranh cãi nhiều về việc nên chấm dứt ngay các hoạt động đánh bắt cá bằng điện và cào lươn, và dự án IMOLA nên hỗ trợ họ trong nỗ lực này. Thiếu kế hoạch quản lý vùng đầm phá, thiếu sự tiếp cận với khoa học kĩ thuật nuôi trồng thủy sản và kiến thức hạn chế về quản lý bệnh cá tôm được xem như những vấn đề chính mà người tham gia đã nêu lên. Những vấn đề khác cũng được đem ra thảo luận đó liên quan đến nhu cầu tái định cư cho người dân vạ đò. Dân vạ đò là số dân cư sống trên thuyền (đò) trên đầm phá, không có đất và nhà ở. Một vấn đề khác được nêu ra đó là nhu cầu tạo ra nhiều cơ hội đa dạng sinh kế cho người dân. Đối với vấn đề này thì sự chuyển biến từ đánh bắt sang nuôi trồng thủy sản có ý nghĩa rất lớn.

11. Tiến sĩ Raymon Van Anrooy từ tổ chức Nông lương liên hợp quốc (FAO) trình bày phương pháp xác định nhu cầu tập huấn. Ông cũng giải thích với những người tham gia thế nào là phân tích nhu cầu tập huấn, tại sao dự án IMOLA làm điều này và ông cũng bàn đến phương pháp “Chu trình tập huấn và phát triển phương pháp tập huấn”(Learning Cycle and the Developing a Curriculum (DACUM) methodology).

11. Ông cho biết phân tích nhu cầu tập huấn là một công cụ để xác định những khác biệt về nhóm nghề có thể rút ngắn thông qua tập huấn có trọng tâm. Ông chỉ ra rằng dự án IMOLA lúc này chỉ đang ở vào thời kì đầu của chu trình tập huấn này, khi mà chỉ mới xác định nhu cầu tập huấn và hình thành mục tiêu tập huấn. Những bước tiếp theo bao gồm: hình thành thiết kế chương trình tập huấn của IMOLA; chuẩn bị nội dung khóa học và tài liệu tập huấn, thực hiện chương trình tập huấn ở các xã, và đánh giá chương trình tập huấn. Ông cũng bổ sung rằng có thể sau một năm dự án sẽ bắt đầu lại chu trình tập huấn và một lần nữa lại xác định nhu cầu tập huấn lúc đó có thể thay đổi.

12. Cán bộ FAO tiếp tục hội thảo thông qua việc trình bày Phương pháp phát triển chương trình tập huấn (Developing a Curriculum (DACUM) methodology). Ông cũng bổ sung rằng phương pháp này cũng được Tổ chức Lao động quốc tế, tổ chức FAO và các trường Đại học khác nhau sử dụng để thiết kế nhóm ngành nghề lấy cơ sở từ các chương trình tập huấn. Các nguyên tắc của phương pháp DACUM bao gồm:

- Các chuyên gia có thể mô tả công việc của mình tốt hơn bất cứ ai, và
- Phát triển các nhiệm vụ theo cách thức phù hợp, ứng dụng các kiến thức, cách đối xử và các kĩ năng sẵn có cùng với việc sử dụng các công cụ và trang thiết bị.

13. Cũng cần nhấn mạnh rằng phương pháp DACUM sử dụng các thuật ngữ rất đặc trưng như “nghề chính” (competencies) đối với những công việc với quy mô lớn (mức hoạt động-activity level) và thuật ngữ “nghề phụ” (sub-competencies) cho những công việc có quy mô nhỏ hơn (mức công việc- action level).

Có thể tham khảo ví dụ sau:

Nghề chính A: nuôi cá trong ao

Nghề phụ A1: đào ao

Nghề phụ A2: chuẩn bị ao

Nghề phụ A3: mua cá

Nghề phụ A4: mua thức ăn cho cá

Nghề phụ A5: cho cá ăn

Nghề phụ A6: giữ cho nguồn nước được sạch

Nghề phụ A7: thu hoạch cá

Nghề phụ A8: v.v.....

14. Cuối bài trình bày của mình tiến sĩ Raymon van Anrooy yêu cầu những người tham gia hội thảo làm việc theo nhóm và chuẩn bị “Danh mục theo nhóm ngành nghề”. Danh mục này là sự liệt kê các ngành nghề cần có để hoàn tất một hoạt động. Những người tham dự hội thảo quyết định phân loại danh mục ngành nghề theo 5 nhóm:

- Nuôi tôm ao
- Nuôi cá lồng
- Nuôi cá ao

- Quản lý đầm phá
- Buôn bán tôm và cá

15. Mỗi nhóm chịu trách nhiệm thảo luận xem cần những nghề phụ nào cho mỗi một 5 nghề chính được chọn ra ở trên. Họ lập danh sách các nghề phụ và bổ sung thông tin về thời điểm triển khai công việc, tiến hành trong bao lâu, mức độ khó khăn, các khó khăn chủ yếu, nhu cầu tập huấn và các cơ quan nào có thể tập huấn trong lĩnh vực đó. Danh mục các ngành nghề do các nhóm lập ra có thể tìm thấy trong phụ lục III.

IV. TRÌNH BÀY VÀ THẢO LUẬN TRONG NGÀY THỨ HAI

16. Mở đầu ngày thứ hai của hội thảo, các nhóm trình bày danh mục ngành nghề mà ngày hôm trước họ đã chuẩn bị. Sau phần trình bày của các nhóm là phần thảo luận từ đó danh sách nhu cầu tập huấn của ngư dân, người nuôi trồng thủy sản, cán bộ khuyến ngư, người buôn bán trung gian, và các tổ chức ở xã Điền Hải được chuẩn bị, bao gồm:

17. Nuôi trồng thủy sản

Nuôi tôm ao:

- Theo dõi tình trạng sức khỏe của tôm, phòng tránh bệnh cho tôm Theo dõi và nâng cao chất lượng nguồn nước

Nuôi cá lồng:

- Chọn con giống (loài và giống có chất lượng) để nuôi lồng
- Chăm sóc cá con
- Theo dõi tình trạng sức khỏe của cá, phòng tránh bệnh cho cá
- Cho cá ăn (bao gồm chuẩn bị thức ăn, cho ăn và chuẩn bị các loại thức ăn thay đổi cho cá).

Nuôi cá ao:

- Chọn cá con và cá bột (loài và chất lượng) cho việc thả nuôi trong ao (kể cả nuôi xen canh)
- Tái sản xuất cá giống (hoạt động ương giống và chăm sóc cá con)
- Theo dõi tình trạng sức khỏe của cá, phòng tránh bệnh cho cá
- Cho cá ăn (chuẩn bị thức ăn, các hoạt động cho ăn và các thức ăn thay đổi cho cá nhỏ)
- Theo dõi và nâng cao chất lượng nguồn nước

18. Buôn bán cá tôm

- Thông tin thị trường (giá cả và nhu cầu thị trường)
- Quy luật thị trường và nhu cầu của khách hàng trong và ngoài nước
- Duy trì và nâng cao chất lượng (chưa khẩn cấp)

19. Vạch kế hoạch và quản lý kinh doanh

- Phát triển kế hoạch kinh doanh (nhằm tiếp cận nguồn vốn)
- Sổ ghi chép của người nuôi trồng thủy sản

20. Quản lý đầm phá

- Hội nuôi trồng thủy sản và hội ngư dân (kĩ năng tổ chức, thành lập và duy trì các hiệp hội)
- Cung cấp các thông tin về luật pháp, các nghị định, nghị quyết và kế hoạch liên quan đến vùng đầm phá.
- Lên kế hoạch cho việc quản lý nguồn lợi thủy sản
- Đẩy mạnh đối thoại với các cơ quan nhà nước
- Nâng cao ý thức của người dân về mức độ khai thác nguồn lợi và các hoạt động mang tính bền vững
- Các kĩ năng quản lý dựa vào cộng đồng

21. Sau đó tiến sĩ Raymon van Anrooy (cán bộ FAO) giới thiệu về phương pháp 4R (Quyền lợi-Right, Trách nhiệm-Responsibilities, Lợi nhuận-Revenues, Mỗi quan hệ-Relationship) trong sự liên quan đến việc quản lý các nguồn lợi đầm phá. Ông cho biết đó là một công cụ thảo luận và xác định vai trò của những người có liên quan khác nhau. Công cụ 4R là một phần trong phân tích vai trò người có liên quan và nó cho phép chúng ta:

- Xác định quyền lực tương đối của người có liên quan
- Đánh giá mối quan hệ qua lại giữa những người có liên quan
- Tạo cơ hội để những người có liên quan thương lượng về vai trò của họ thông qua đối thoại và thỏa thuận.

22. Ông phát biểu thêm rằng dự án IMOLA sử dụng công cụ 4Rs với mục đích sau:

- Xác định và thỏa thuận về vai trò của những người có liên quan trong mối quan hệ với nghề nghiệp hiện tại của họ để họ phát huy vai trò trong quản lý đánh bắt và nuôi trồng thủy sản,
- Xác định sự chênh lệch và những vấn đề giữa vai trò mà họ đang đảm nhiệm và công việc hiện tại họ đang làm.
- Xác định xem nên tập huấn mảng nào để giúp người có liên quan thực hiện vai trò tốt hơn của mình .
- Đưa ra các đề nghị cho nhà hoạch định chính sách rút ngắn các sự khác biệt về quyền lợi, trách nhiệm và lợi nhuận.

23. Ông cũng nêu ra rằng mục đích của hội thảo này không phải nhằm thương lượng về vai trò và bàn luận xem làm cách nào để thực hiện các vai trò đó theo một hướng lý tưởng nhất. Trước khi kết thúc bài trình bày của mình, ông đưa ra một vài ví dụ minh họa quyền lợi, trách nhiệm và thu nhập của những người có liên quan và yêu cầu những người tham gia làm việc theo bốn nhóm thảo luận những vấn đề này dựa trên thực tế vùng đầm phá.

24. Kết quả từ trình bày của các nhóm và từ các cuộc thảo luận ở hội thảo được trình bày ở Phụ lục IV. Các cuộc thảo luận cho thấy rất rõ rằng nhận thức của các người có liên quan về vấn đề trách nhiệm khác nhau rất nhiều. Một số người tham dự hội thảo cho rằng ngư dân và những người nuôi trồng thủy sản có trách nhiệm cao đối với việc quản lý nguồn lợi đầm phá trong khi đó những người khác lại cho rằng trách nhiệm của những người này không nhiều. Một số người có liên quan nêu trong bảng- những người đại diện trình bày phần thảo luận của nhóm 3 và 4- sẽ được bổ sung trong phần thảo luận bên dưới. Cán bộ từ Sở Tài nguyên và Môi trường, Công an, các dự án, ngành Du lịch và những người có liên quan khác không được xếp vào danh sách những người tham

gia trong quá trình thảo luận nhóm; tuy nhiên, tất cả những người tham gia nhất trí rằng những nhóm thành viên này cũng có vai trò đối với việc quản lý đầm phá.

25. Sau đó đến lượt Ông Arie van Duijn cán bộ dự án IMOLA trình bày tổng quan các kết quả thu được từ bảng câu hỏi và cùng với người tham gia kiểm chứng một số câu trả lời. Từ các kết quả này có thể kết luận rằng phần lớn 1.300 hộ gia đình sống ở xã Điền Hải làm nhiều việc khác nhau để duy trì sinh kế. Khoảng 200 hộ gia đình sống dựa hẳn hoàn toàn vào việc khai thác nguồn lợi thủy sản. Nhiều gia đình khác có nguồn thu nhập phụ nhờ vừa nuôi trồng thủy sản vừa đánh bắt hoặc làm một trong hai nghề đó. Đa số các gia đình đều có đò, ngay cả khi họ không làm nghề đánh bắt. Những công cụ đánh bắt sử dụng chủ yếu là nò sáo, lưới vó, cào lươn, nò bắt cá đối, rà điện, thả lưới, đi câu, và lưới cua. Ngoài các ngư cụ và đò ra thì việc sử dụng thiết bị trong đánh bắt thủy sản chỉ dừng lại ở việc dùng các máy Trung Quốc trang bị cùng với thuyền; không hề sử dụng tủ lạnh, thùng chứa đông lạnh, máy làm đá lạnh, GPS hay những thiết bị khác. Hình thức nuôi trồng thủy sản phổ biến là chỉ nuôi tôm trong ao hoặc nuôi cá lồng. những hình thức nuôi phổ biến khác bao gồm chỉ nuôi cá trong ao; nuôi xen cá và tôm trong ao và nuôi. Trong nuôi trồng thủy sản thì người ta dùng lưới để thu hoạch và trong vài trường hợp hi hữu người ta dùng máy nước hoặc máy để cấp oxy.

26. Trước khi kết thúc hội thảo, ông Nguyễn Viết Vĩnh, Quản đốc quốc gia của dự án, đã trình bày tổng hợp nhu cầu tập huấn đã xác định được. Ông cũng nêu ra danh sách các lĩnh vực mà dự án IMOLA sẽ ưu tiên xây dựng năng lực, trên cơ sở những gì đã thảo luận được. Danh sách này đã được nêu ra trong phần đầu báo cáo này.

27. Sau đó, ông đi sâu vào thảo luận những vấn đề như nên tổ chức thảo luận ở đâu, thời điểm tốt nhất để thảo luận là khi nào, và xã cũng như người tham gia nên sẵn lòng đóng góp những mặt nào cho thành công của tập huấn. Nên ưu tiên tổ chức tập huấn ở cấp huyện hay cấp xã ở trung tâm của các huyện và xã này, tùy thuộc vào đại đa số người tham gia. Người tham gia nói rằng họ có thể tham gia tập huấn bất kì ngày nào trong tuần. Tuy nhiên, họ cũng cho biết tập huấn nên được tổ chức vào buổi sáng khoảng 4 giờ đồng hồ hơn cả ngày dài. Bản chất của các hoạt động đánh bắt và nuôi trồng thủy sản đòi hỏi họ luôn dành ra mỗi ngày một ít thời gian để làm các hoạt động này.

28. Người dân yêu cầu dự án nên tổ chức tập huấn vào thời điểm mà kinh nghiệm họ thu được từ tập huấn có thể ứng dụng ngay vào hoạt động sản xuất thực tế, thí dụ tập huấn về quản lý sức khỏe tôm có thể triển khai vào giai đoạn thả nuôi khi khoảng sau đó vài tuần bệnh tôm thường xuất hiện. Nói về phần đóng góp hỗ trợ của xã và người tham gia, mọi người đồng ý rằng xã nên tạo mọi điều kiện làm việc miễn phí cho dự án. Về phía dự án sẽ hỗ trợ ăn trưa và trà/cà phê giữa giờ cho người tham gia (kể cả chỗ ăn ở cho tập huấn viên) trong suốt thời gian tập huấn.

IV. KẾT THÚC HỘI THẢO

29. Ông Cố vấn trưởng dự án IMOLA đã đưa ra một vài lời nhận xét trước khi kết thúc hội thảo. Ông cố vấn trưởng cho biết dự án sẽ hỗ trợ xã về mặt tập huấn quản lý đầm phá và nuôi trồng thủy sản và Điền Hải sẽ là một trong những xã trọng tâm của đợt tập huấn PRA mà dự án sẽ tiến hành trong thời gian sắp tới. Tất cả những người tham gia đều nhận được chứng chỉ vì đã tham gia hội thảo. Hội thảo kết thúc vào lúc 17 h thứ Sáu, ngày 20/01/2006.

PHÂN TÍCH MỘT SỐ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TỪ HỘI THẢO

30. Trong khi đánh bắt là một trong các hoạt động chính mà người tham gia hội thảo thực hiện, tất cả họ đều xem xét các công việc liên quan đến sản xuất đánh bắt thủy sản khá đơn giản và không cần sự hỗ trợ tài kĩ thuật từ phía dự án cũng như những cơ quan thể chế khác. Ấn tượng chung về người dân nơi đây là họ 'quá' giỏi trong đánh bắt đến nỗi trữ lượng đánh bắt được mỗi ngày một giảm và họ cũng khai thác quá mức nguồn lợi ở đầm phá. Khi thu nhập từ nghề đánh bắt trên đầm phá không còn có khả năng tăng lên nữa thì nhiều người chuyển hướng xem nuôi trồng thủy sản là cơ hội lựa chọn sinh kế mới.

31. Do phần đông người tham gia hội thảo là ngư dân nuôi trồng thủy sản nên điều này phần nào đó lý giải việc họ muốn được tập huấn nhiều về lĩnh vực này. Tuy nhiên, một điều rõ ràng là những người tham gia nuôi trồng thủy sản chưa nhận thấy là họ có năng lực trong lĩnh vực này. Họ gặp phải nhiều vấn đề trong các hoạt động nuôi trồng thủy sản và trên cơ sở những vấn đề đó để xác định các nhu cầu tập huấn để xây dựng năng lực.

32. Như dự kiến thì nhu cầu can thiệp quản lý có sự hỗ trợ từ phía dự án IMOLA đã được khẳng định. Nghị định số 4260/2005/QĐ-UBND vừa mới ban hành mới đây đưa ra các quy định về quản lý thủy sản ở Thừa Thiên Huế, kí vào ngày 19/11/2005, làm cho việc xây dựng năng lực của dự án IMOLA liên quan đến các mảng năng lực quản lý và quy hoạch quản lý đầm phá càng trở nên cấp bách hơn; đặc biệt là một khi trách nhiệm quản lý liên quan đến quy hoạch và thực hiện các kế hoạch quản lý được chuyển giao cho các hiệp hội ngư dân cấp xã. Các hiệp hội này cho đến nay vẫn chưa hình thành, chỉ có 12 hội ở cấp xã tồn tại và trong số 12 hội này có nhiều hội chỉ tồn tại trên giấy tờ chứ thực tế không đi vào hoạt động. Ngư dân và nông dân xã Điền Hải đã yêu cầu dự án IMOLA nên đóng vai trò quan trọng trong việc thành lập và vận hành những hiệp hội này.

33. Quan điểm của ngư dân đánh bắt và người nuôi trồng thủy sản về trách nhiệm của những người có liên quan khác nhau khác nhau rất nhiều; tuy nhiên, UBND xã được xem là cơ quan có trách nhiệm cao nhất. Họ cho rằng họ có nhiều hoặc không có trách nhiệm nào đối với việc quản lý nguồn lợi đầm phá; điều này phản ánh những quan điểm trái ngược nhau. Người ta cũng cho rằng Sở Thủy sản chỉ có trách nhiệm quản lý nguồn lợi ở cấp tỉnh mà không có bất kì trách nhiệm nào ở cấp địa phương; trong khi đó họ không thừa nhận trách nhiệm của các bên có liên quan bao gồm Sở Tài nguyên và Môi trường, Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Các dự án, Công an, VINAFISH và ngành du lịch.

34. Ngư dân đánh bắt và người nuôi trồng thủy sản cho rằng họ cũng có trách nhiệm tương tự trong việc sử dụng nguồn lợi đầm phá. Các UBND được xem là các cơ quan có nhiều quyền hạn trong vấn đề quản lý nguồn lợi (thí dụ: đánh thuế, ban hành giấy phép, và giải quyết các vụ vi phạm/xử lý những người vi phạm). Các tổ tự quản và các hiệp hội cũng có quyền trong việc giải quyết các tranh chấp và tổ chức ngư dân đánh bắt và người nuôi trồng thủy sản trên đầm phá.

35. Ngư dân đánh bắt và người nuôi trồng thủy sản thừa nhận rằng họ có được thu nhập cao nhất từ việc sử dụng nguồn lợi trên đầm phá; chỉ những ai khai thác nguồn lợi một cách bất hợp pháp mới có thể có được nguồn thu nhập cao hơn. UBND xã được xem là cơ quan có nguồn thu nhập đứng thứ hai.

36. Phương pháp 4Rs thể hiện những điều sau: thứ nhất là có nhiều điều không thống nhất giữa trách nhiệm và quyền lợi của các thiết chế và quan điểm của người dân; thứ

hai là có khoảng cách rất lớn giữa trách nhiệm của các cơ quan thiết chế liên quan đến quản lý đầm phá và năng lực của các cơ quan này cũng như năng lực của cán bộ để thực hiện trách nhiệm của họ theo một cách thức phù hợp. Dự án IMOLA có thể đóng vai trò chủ yếu trong việc rút ngắn khoảng cách này. 37. Bảng câu hỏi cho thấy đa phần người nuôi trồng thủy sản từng tham gia tập huấn trước đây ở cấp xã. Nhiều cơ quan đã tổ chức tập huấn cho người dân bao gồm Sở Thủy sản, Trường ĐH Nông lâm Huế. Tất cả những người được phỏng vấn đều nói rằng họ cần được tập huấn. Họ cho rằng nên chú trọng tập huấn chủ yếu mảng nuôi trồng thủy sản (như khống chế dịch bệnh, phòng chống và giảm nhẹ bệnh tật, chọn giống và các hoạt động cho ăn) và cách để tiếp cận với nguồn tài chính thông qua việc hoạch định nguồn vốn. Ngoài ra người dân cũng cần được tập huấn các mảng sau: tiếp thị sản phẩm thủy sản, quản lý hoạt động đánh bắt, và quản lý môi trường (bao gồm cả việc làm thế nào để cấm các hoạt động đánh bắt trái phép). Phần lớn người tham gia muốn được tập huấn thực hành hoặc nửa thực hành và lí thuyết; thêm vào đó, họ không có khả năng chi trả cho bất cứ khoản lệ phí nào để được tập huấn.

38. Cả người tham gia lẫn phía ban Quản lý dự án IMOLA đều thừa nhận rằng buổi hội thảo này chưa đủ để bao quát được tất cả các nhu cầu tập huấn của người đánh bắt và nuôi trồng thủy sản ven đầm phá. Vì vậy sẽ có thêm một hội thảo nữa được tổ chức ngắn gọn ở xã phía nam phá Tam Giang. Ngoài ra, kết quả phân tích nhu cầu tập huấn ở cấp xã sẽ được kết hợp với kết quả từ cuộc họp phân tích nhu cầu tập huấn do các thành viên thực hiện nhiệm vụ của dự án IMOLA đảm nhiệm sẽ được tổ chức vào ngày 23/01 tại văn phòng Sở Thủy sản, thành phố Huế. Nhóm này bao gồm thành viên từ Sở Thủy sản, Hội phụ nữ, đại diện từ các UBND các xã từ các huyện khác nhau ven đầm phá. Các kết quả sau khi kết hợp với nhau sẽ được sử dụng để chuẩn bị cho chương trình tập huấn của dự án IMOLA.

Phụ lục I**Danh sách người tham gia**

TT	HỌ VÀ TÊN	NGHỀ NGHIỆP	NƠI CƯ TRÚ
1	Hoàng Đức Tuấn	Nuôi cá	Thôn 1
2	Hoàng Đức Lộc	Nuôi cá và tôm	Thôn 2
3	Cao Hữu Trung	Nuôi cá và tôm	Thôn 3
4	Hoàng Đức Hòa	Nuôi tôm	Thôn 5
5	Hồ Đăng Hiền	Nuôi cá và tôm	Thôn 6
6	Trương Văn Ái	Nuôi tôm	Thôn 7
7	Trần Văn Hưng	Nuôi cá và tôm	Thôn 6
8	Cao Huy Phúc	Nuôi cá và tôm	Thôn 5
9	Cao Huy Bửu	Đại diện từ UBND	
10	Phan Thảo	Đại diện từ HTX Nông Nghiệp	
11	Phan Thị Kim Cúc	Người buôn bán	Thôn 8
12	Cao Thị Đắc	Người buôn bán	Thôn 6
13	Nguyễn Móc	Đánh bắt	Tổ 13
14	Phan Kiên	Đánh bắt	Tổ 3
15	Phan Hòa	Dân vạ ò	Tổ 3
16	Hà Thị Tú	Lưới vó di ò	Tổ 3
17	Hà Thị Cớ	Lưới vó di ò	Tổ 3
18	Phan Nhơn	Đánh bắt	Thôn 7
19	Phan Bắc		
20	Phan Quê	Đánh bắt	Thôn 7
21	Cao Thị Hường	Đánh bắt	Thôn 7
22	Hồ Thị Vui	Đánh bắt	
23	Phan Chinh	Nò sáo	Thôn 8
24	Phan Hoài	Nò sáo	Thôn 8
25	Phan Thường	Nò sáo	Thôn 8
26	Trần Vinh	Cá ò	Thôn 8
27	Hà Khánh	Cá ò	
28	Trần Khiên	Cá ò	Thôn 8
29	Phan Chiến	Nò sáo	Thôn 8
30	Phan Thị Du	Nò sáo	Thôn 8

TT	HỌ VÀ TÊN	NGHỀ NGHIỆP	NƠI CƯ TRÚ
31	Nguyễn Quả	Lưới rê	Thôn 8
32	Hà Đưa	NTTS	Thôn 8
33	Trần Vang	Lưới rê, nò bắt cá đối	Thôn 8
34	Trần Thường	Lưới rê	Thôn 8
35	Phan Thành	Nò sáo	Thôn 8
36	Trần Trọng	Lưới rê	Thôn 8
37	Đoàn Lai Thắng	Đại diện từ công ty ương giống Đông Phương	
38	Cao Hữu Lâu	Cán bộ Thủy sản xã Điền Hải	
39	Phạm Lui	Hội Thủy sản Quảng Lợi	
40	Phạm Vương	Hội Thủy sản Quảng Lợi	
41	Nguyễn Lương Hiền	VNFish	
42	Hồ Ty	Hội Thủy sản xã Quảng Công	
43	Hồ Hiếu		
44	Cao Hữu Long	Nuôi tôm	Thôn 2
45	Nguyễn Xuân Du	Hội Nông dân	Xã Điền Hải
46	Cao Thị Vân	Hội phụ nữ	Xã Điền Hải
47	Trần Tịnh	Nò sáo	Thôn 8
48	Massimo Sarti	Cố vấn trưởng-Dự án IMOLA	Thành phố Huế
49	Arie van Duijn	Cán bộ hỗ trợ dự án IMOLA	Thành phố Huế
50	Nguyễn Việt Vĩnh	Quản đốc quốc gia dự án IMOLA	Thành phố Huế
51	Raymon van Anrooy	FAO	Rome, Italia
52	Davide Fezzardi	NACA	Hà Nội
53	Nguyễn Thị Phước Lai	Thông dịch viên-Dự án IMOLA	Thành phố Huế
54	Trần Thị Anh Anh	Thông dịch viên	Dự án IMOLA
56	Lê Xuân Hoàng	Cán bộ hỗ trợ kĩ thuật-Dự án IMOLA	Thành phố Huế
57	Lê Thị Thanh Bình	Cán bộ hành chính-dự án IMOLA	Thành phố Huế
59	Nguyễn Quang Vinh Bình	Phó Giám đốc dự án IMOLA	Thành phố Huế
60	Hoang Thi Thu Thuy	Hỗ trợ hành chính dự án IMOLA	Thành phố Huế
61	Nguyễn Minh Trí	Lái xe-dự án IMOLA	Thành phố Huế

Phụ lục II**Chương trình hội thảo**

Thời gian	Thứ Năm 19/01
9.00	Phát biểu chào mừng của ông Vĩnh (quản đốc quốc gia của dự án IMOLA)
9.05	Chủ tịch UBND chính thức khai mạc hội thảo
9.15	Giới thiệu thành phần tham gia
9.30	Ông Massimo Sarti, Cố vấn trưởng dự án IMOLA, giới thiệu ngắn gọn các mục tiêu của dự án IMOLA
10.00	Nghỉ giải lao giữa giờ
10.15	Davide Fezzardi (NACA), xác định các hoạt động chính mà người dân tiến hành trên đầm phá Tam Giang)
10.45	Thảo luận chung về các vấn đề trong đánh bắt, nuôi trồng thủy sản và quản lý
11.30	Ăn trưa
13.00	Raymon van Anrooy (FAO) trình bày các phương pháp sẽ được sử dụng để phân tích nhu cầu tập huấn
13.30	Nhóm tiến hành nhiệm vụ chuẩn bị danh sách ngành nghề
15.00	Nghỉ giải lao giữa giờ
15.15	Nhóm tiếp tục chuẩn bị danh sách ngành nghề
16.00	Người tham gia điền vào bảng câu hỏi
17.00	Ngày kết thúc hội thảo
	Thứ Sáu, 20/01
8.00	Các nhóm chuẩn bị thảo luận danh sách ngành nghề
9.30	Nghỉ giải lao giữa giờ
9.45	Raymon van Anrooy (FAO) giới thiệu phương pháp 4Rs (Quyền hạn, Trách nhiệm, Thu nhập, và Môi quan hệ) trong mối liên hệ với việc quản lý nguồn lợi đầm phá
10.15	Thảo luận giữa các nhóm về Quyền hạn, Trách nhiệm, Thu nhập, và Môi quan hệ giữa những người liên quan đến đánh bắt và nuôi trồng thủy sản ở đầm phá.
11.30	Ăn trưa
12.30	Thảo luận nhóm (tiếp theo)
13.00	Trình bày kết quả thảo luận nhóm
14.00	Arie Van Duijn (dự án IMOLA) trình bày các kết quả đạt được từ hội thảo
14.30	Nghỉ giải lao giữa giờ
14.45	Quản đốc quốc gia dự án IMOLA trình bày các lĩnh vực mà dự án IMOLA ưu tiên xây dựng năng lực, dựa vào thảo luận

15.30	Ông Massimo Sarti, Cố vấn trưởng dự án IMOLA kết thúc hội thảo và thông báo các vấn đề mà sau này dự án IMOLA sẽ tiếp tục thực hiện
16.00	Đánh giá hội thảo
17.00	Kết thúc hội thảo và tiệc chia tay

(Nhóm 1) Hoạt động: Mức độ thường xuyên: ... Người trình bày: Cao Hữu Long**Phụ lục III**

Hoạt động	Thời gian bắt đầu	Kéo dài	Dễ-Bình thường-Khó	Các khó khăn cơ bản	Có cần tập huấn hay không?	Ai sẽ tập huấn?
1) Tìm vị trí để đào ao (để nuôi cá chép, cá măng, cá rô đồng, cá tinca, cá chép bùn)	Tháng 11 (âm lịch)	Từ tháng Bảy (âm lịch)	Có	Có được đầu tư ban đầu	Có-Lập kế hoạch kinh doanh	Dự án IMOLA
2) Đào ao		01 năm			Không	
3) Cải tạo ao					Có	Dự án IMOLA
4) Mua cá giống/cá bột	Từ khi bắt đầu		Có. Do thời tiết	Cơ sở ương giống ở xa		Dự án IMOLA nên giúp hình thành các cơ sở ương giống
5) Mua thức ăn cho cá			Bình thường			
6) Chăm sóc cá	Kể từ khi cá con được thả vào hồ	8 tháng	Khó	Trong trường hợp có dịch bệnh chúng tôi không biết cách chữa trị.	Có, kĩ thuật nuôi, phòng chống và giảm bệnh tật.	
7) Thu hoạch đúng thời gian			Dễ	Việc buôn bán thất thường.		

(Nhóm 2) Hoạt động: _Nuôi tôm ao_. Mức độ thường xuyên: __4 vụ mỗi năm_. Người trình bày: Cao Hữu Trung.

Hoạt động	Thời điểm bắt đầu	Kéo dài trong bao lâu	Dễ-Bình thường-Khó	Các khó khăn cơ bản	Có cần tập huấn không?	Ai sẽ tập huấn?
1) Chuẩn bị ao	10 tháng Giêng (âm lịch)	-				/
2) Tháo nước trong ao ra		2 ngày	Dễ			
3) Nâng đê bao		7 ngày	Khó	Các đê ao rất yếu Giá nhiên liệu cao.	Có	/
4) Dọn sạch và san bằng đáy ao		5 ngày	Khó	Không có sẵn điện		
5) Rải vôi trên nền đáy ao và làm cho ao khô		5 ngày	Bình thường		Không	
6) Làm hàng rào lưới bao quanh ao để tránh cho động vật bên ngoài không ăn tôm		5 ngày	Bình thường	Nguyên liệu không có sẵn, phải lên Huế để mua	Có	Chuyên gia thủy sản
7) Kiểm tra nguồn nước cung ứng		3 ngày	Khó khăn	Bị nhiễm mặn. Phụ thuộc vào thủy triều	Có	Chuyên gia thủy sản

Hoạt động	Thời điểm bắt đầu	Kéo dài trong bao lâu	Dễ-Bình thường-Khó	Các khó khăn cơ bản	Có cần tập huấn không?	Ai sẽ tập huấn?
8) Xử lý nước -		4 ngày	Khó	Không có sẵn tài liệu. Phụ thuộc vào thời tiết	Có. Kỹ thuật	Chuyên gia thủy sản
9) Bỏ màu vào nước		5 ngày	Khó		Có	
10) Thả tôm giống - Chọn tôm con - Kiểm tra giống bằng máy PRC - Thả tôm		4 ngày 4 ngày	Khó Khó Bình thường	Cơ sở ương nuôi xa. Phải đến các tỉnh lân cận. Thiếu trang thiết bị và trình độ chuyên môn	 Có	Chuyên gia thủy sản
11) Nuôi và quản lý việc nuôi tôm: - Thuốc giảm sốc - Kiểm tra các yếu tố môi trường	6 giờ sáng	9 giờ mỗi ngày, 105 ngày mỗi năm	Khó Khó	Vận chuyển.	Có	Chuyên gia thủy sản
12) Cho ăn: - Mua thức ăn - Cho ăn		30 phút 4 ngày				Chuyên gia thủy sản
13) Phòng bệnh: - Kiểm tra bệnh tôm - Kiểm tra mật độ thả	Từ 40 ngày tuổi	10 ngày 1 lần	Khó	Không biết triệu chứng bệnh Lựa chọn và sử dụng thuốc Mua trang thiết bị	Có	

Hoạt động	Thời điểm bắt đầu	Kéo dài trong bao lâu	Dễ-Bình thường-Khó	Các khó khăn cơ bản	Có cần tập huấn không?	Ai sẽ tập huấn?
				bị		
14) Thu hoạch: - Chuẩn bị thiết bị để thu hoạch - Tiếp thị	1 ngày trước khi thu hoạch. Sáng sớm		Bình thường Khó		Không Có	

(Nhóm 3A)

Hoạt động: Nuôi cá lồng

Mức độ thường xuyên: 3-4 lồng/năm

Hoạt động	Thời điểm bắt đầu	Kéo dài trong bao lâu	Dễ-Bình thường-Khó	Các khó khăn cơ bản	Có cần tập huấn không?	Ai sẽ tập huấn?
1) Mua lưới và tre	Chưa xác định		Dễ			
2) Tìm nguồn vốn để đầu tư			Khó	Không có khả năng trả lãi		
3) Chuẩn bị lồng (C=100m)			Dễ	Sợ những người khác sẽ phá lồng	Có, nếu khoa học kĩ thuật của nước ngoài tốt hơn	
4) Mua cá giống			Khó	Phải đi xa để mua	Hỗ trợ xây dựng trại giống ở địa phương	
5) Thả cá			Dễ			

Hoạt động	Thời điểm bắt đầu	Kéo dài trong bao lâu	Dễ-Bình thường-Khó	Các khó khăn cơ bản	Có cần tập huấn không?	Ai sẽ tập huấn?
6) Cho cá ăn (cá nhỏ: cá bột, thức ăn cá; cá lớn: 100 g hoặc hơn rong biển lấy từ sông)		10-15 ngày	Dễ	Thời gian thả nuôi và số lần sản xuất Chất lượng và giá thức ăn, rong	Có, thức ăn phù hợp	
7) Ngăn ngừa và trị bệnh		10 ngày	Khó	Không biết cách trị bệnh vì thiếu kiến thức	Có, rất cần thiết	IMOLA
8) Thu hoạch	Chưa xác định	1 ngày 1 phút	Dễ			

(Nhóm 3B) Hoạt động: Nuôi cá lồng

Mức độ thường xuyên:

Hoạt động	Thời gian bắt đầu	Kéo dài trong bao lâu	Dễ-Bình thường-Khó	Những khó khăn chủ yếu	Có cần tập huấn không?	Ai có thể tập huấn?
1) Mua lưới và tre để làm lồng	Tháng 11	5 ngày	Dễ	Cần vốn/tài chính Tìm địa điểm để nuôi cá lồng		
2) Mua cá giống (cá con/cá bột)	Tháng 11	3 ngày	Dễ			
3) Thả cá	Tháng 11	1 giờ	Khó			

Hoạt động	Thời gian bắt đầu	Kéo dài trong bao lâu	Dễ-Bình thường-Khó khăn	Những khó khăn chủ yếu	Có cần tập huấn không?	Ai có thể tập huấn?
4) Mua thức ăn cho cá 5) Thức ăn cho cá (3 lần/ngày trong 3 tháng). Sau 9 tháng, lấy rong cho cá ăn (trung bình ngày 10.000)	Tháng 11 8 giờ sáng	1 giờ 1 giờ	Dễ Khó			
6) Thu hoạch	Tháng 11, năm sau	5 tiếng	Khó			
7) Bán cá	Sáng	2 giờ	Dễ	Khó chọn giống Đánh bắt bằng điện gây khó khăn Lo về mức độ an toàn (như ăn trộm), họ nên tự quản nhưng không biết bằng hình thức nào Đánh bắt bằng điện gây khó khăn cho họ vào mùa thu hoạch, cá không vào lồng để sống nữa	Có Có Có	Cán bộ sở Thủy sản

(Nhóm 4)**Hoạt động: Tiếp thị****Mức độ thường xuyên:**

Hoạt động	Thời điểm bắt đầu	Kéo dài	Dễ-Bình thường-Khó	Các khó khăn đặc trưng	Có cần tập huấn không?	Ai sẽ tập huấn?
1) Mua sản phẩm	5 sáng	2-2.5 giờ	Bình thường	Nguồn cung không có sẵn vào mùa đông	Không	
2) Bán sản phẩm	8 sáng	7 giờ	Bình thường	Cạnh tranh lớn vào mùa hè khi nguồn cung ứng và người đi buôn bán nhiều Khó tìm người cung ứng sản phẩm vào mùa đông và khách hàng vào mùa hè.	Không Có	
3) Thu thập thông tin thị trường	5 sáng	7-8 giờ		Cần thêm thông tin về giá cả, thị trường, và có thể là HACCP để mở rộng buôn bán trong tương lai, khi nguồn cung cấp dư thừa	Có, về thông tin thị trường (HACCP không khẩn cấp)	Các cơ quan có liên quan (VASEP) IMOLA

(Nhóm 5)**Hoạt động: Quản lý**

Hoạt động	Thời gian bắt đầu	Kéo dài	Dễ/Bình thường/Khó	Các khó khăn đặc trưng	Có cần tập huấn không?	Ai tập huấn?
1) Thu thập thông tin chính phủ (về các nguyên tắc, luật và các kế hoạch).	Càng sớm càng tốt (một cách thường xuyên)		Khó khăn	Ngư dân ít tiếp cận với thông tin	Không, chỉ có thông tin	IMOLA

Hoạt động	Thời gian bắt đầu	Kéo dài	Dễ/Bình thường/Khó	Các khó khăn đặc trưng	Có cần tập huấn không?	Ai tập huấn?
2) Tổ chức ngư dân	Càng sớm càng tốt Đầu năm/mùa	5 ngày - 1 tháng	Khó khăn Khó khăn	Thiếu năng lực tổ chức Thiếu kĩ năng quy hoạch, ý thức kém	Có	Hiệp hội nghề cá cấp huyện Trung tâm Phát triển Nông nghiệp, Sở
3) Vạch kế hoạch sử dụng và quản lý nguồn lợi					Có	Thủy sản, Hiệp hội nghề cá cấp tỉnh
4) Thực hiện kế hoạch sử dụng và quản lý nguồn lợi	Sau khi hình thành kế hoạch	1-3 tháng	Dễ	Cần thời gian và tiền bạc; thiếu kiến thức về quản lý thủy sản	Không	
5) Phát triển và nâng cao các nguyên tắc tự quản	Sau khi tổ chức được thành lập	Thường xuyên	Khó khăn		Có	Sở Thủy sản, Phòng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
6) Kiểm tra, giám sát và theo dõi các ngư trường	Sau khi thực hiện các quy định và các kế hoạch	Thường xuyên	Dễ Bình thường	Thiếu cơ sở vật chất; Không có đủ quyền hợp pháp sử dụng các ngư trường Thiếu phương tiện thông tin liên lạc		
7) Phối hợp với các cơ quan chính phủ						

Nhóm 1**Điểm (0 = không có điểm, 5 = cao/mức tối đa)****Phụ lục IV**

Người có liên quan	Trách nhiệm		Quyền hạn		Thu nhập (Lợi nhuận)	
1. Ngư dân đánh bắt	Không	1	Bảo vệ nguồn lợi đánh bắt tự nhiên Nuôi trồng thủy sản, hỗ trợ nhau về kĩ thuật, bảo vệ tài sản và phòng chống bệnh tật	5 5 5 4.5	Thu nhập từ sản phẩm thu hoạch được Khoa học kĩ thuật và thu nhập	5
2. UBND xã	Hỗ trợ quản lý kinh tế/quyền sử dụng mặt nước	4	Thu thuế đất	3	Thu nhập từ thuế và các khoản chi phí khác	4
3. Tổ tự quản	Quản lý các hoạt động đánh bắt và nuôi trồng thủy sản	3	Quản lý, phổ biến thông tin và tuyên truyền	3	Giúp đỡ tất cả ngư dân đánh bắt và nuôi trồng thủy sản đảm bảo an toàn về của cải và công nghệ	3
4. Hiệp hội nghề cá cấp tỉnh	Không	0.5	Cấm sử dụng các biện pháp hủy diệt và phòng chống ô nhiễm	3	Giúp mọi người xác định các loài phù hợp	2
5. Sở Thủy sản	Quản lý thủy sản ở cấp Tỉnh	3	Giải quyết tranh chấp, giảm bệnh tật, tập huấn và quản lý	4	Giảm bệnh và ô nhiễm. Cải tiến kĩ thuật	
6. Khuyến ngư		0.5	Tập huấn đánh bắt và nuôi trồng thủy sản	1	Cải tiến khoa học kĩ thuật	
7. Hội phụ nữ	Hỗ trợ quản lý kinh tế	3	Hỗ trợ tiếp cận nguồn vốn	4	Thăm các gia đình gặp khó khăn, sử dụng vốn của hội phụ nữ	3.5

Nhóm 2

Người có liên quan	Trách nhiệm		Quyền lợi		Thu nhập	
1. Người nuôi trồng thủy sản	Bảo vệ đầm phá và môi trường	2	Thực hiện nuôi trồng thủy sản trên các ngư trường và các ao đất	2	Thu nhập từ các hoạt động nuôi trồng thủy sản	3
2. Các tổ tự quản	Quản lý các hoạt động trên đầm phá và theo dõi các hoạt động đánh bắt mang tính hủy diệt (thí dụ đánh bắt bằng điện, v.v...)	5	Những người vi phạm đánh bắt và thu thuế theo quy định	5	Bảo vệ nguồn lợi	4
3. Ngư dân đánh bắt	X	0.5	Tiếp cận các ngư trường đánh cá của xã	0	Thu nhập từ các hoạt động	5
4. Hội nông dân và hội phụ nữ	Đẩy mạnh khai thác hợp pháp và hợp lý, giải quyết các tranh chấp	4	x	0	X	0
5. UBND xã	Cấp giấy phép sử dụng diện tích mặt nước trên địa bàn xã	5	Bảo vệ quyền ngư dân và các hoạt động bất hợp pháp	5	Thu thuế và các khoản chi phí	4
6. Các phòng thủy sản huyện	Hỗ trợ tư vấn kĩ thuật về sử dụng và bảo vệ nguồn lợi	3	Cấp giấy phép sử dụng diện tích mặt nước trên địa bàn xã	3	x	0
7. Người buôn bán trung gian	Thu mua sản phẩm thủy sản từ ngư dân đánh bắt và người nuôi trồng thủy sản	1	X	0	Lợi nhuận thu được từ bán sản phẩm nuôi trồng thủy sản	5
8. Nhóm làm nghề bất hợp pháp	X	0	X	0	Thu nhập cao từ việc sử dụng bất hợp pháp nguồn lợi thủy sản, làm mất cân bằng môi trường	5

Nhóm 3:

Người có liên quan	Người có trách nhiệm	Điểm	Quyền hạn	Điểm	Lợi ích	Điểm
Ngư dân đánh bắt thủy sản	Đánh bắt có trách nhiệm Yêu cầu xã cấm việc đánh bắt mang tính hủy diệt Đóng góp vào quỹ phúc lợi xã hội (10.000 VND/năm)	4.5	Quyền tiếp cận được mở rộng Quyền tự do chọn lựa các ngư cụ Bán sản phẩm thu hoạch mà không cần đóng thuế	3	Có thu nhập Có nghề nghiệp phù hợp	5
Nông dân đánh bắt cá (nuôi lồng)	Tự mình sản xuất và bảo vệ tài sản Nuôi cá Cấm sử dụng phương tiện đánh bắt bằng điện (bị sốc điện làm cho cá chết hoặc bị biến dạng) Bảo vệ môi trường	4	Có thể đặt lồng nuôi bất kì nơi nào họ muốn Cho phép tiếp cận các nguồn lợi thức ăn tự nhiên Bắt trộm cá nếu chính quyền địa phương hỗ trợ	4	Có sản phẩm Bán sản phẩm mà không phải đóng thuế	5
UBND xã	Quan tâm đến đời sống người dân Cấm các hoạt động khai thác bằng điện Hỗ trợ chính quyền địa phương tiếp cận nguồn vốn Tổ chức họp Hỗ trợ người dân địa phương trong trường hợp có thiên tai Giải quyết xung đột	5	Khuyến khích và quản lý hoạt động của người dân địa phương Ngăn chặn các biện pháp đánh bắt bất hợp pháp và vi phạm trong nuôi trồng thủy sản Tái định cư người dân vạn đò Thúc đẩy sản xuất	5	Tình yêu thương từ phía người dân	
Sở Thủy sản	Tổ chức quản lý nguồn lợi	3	Ngăn chặn các trường hợp vi	3	Lương từ chính phủ.	2

Người có liên quan	Người có trách nhiệm	Điểm	Quyền hạn	Điểm	Lợi ích	Điểm
	tự nhiên (vẫn chưa xong) Bảo vệ môi trường (vẫn chưa xong)		phạm (vẫn chưa tiến hành)			
Cựu chiến binh	Khuyến khích người dân địa phương Hỗ trợ người dân địa phương giảm nhẹ thiên tai		Tham gia bảo vệ an ninh cho người dân địa phương	2	Tình yêu thương từ phía người dân địa phương	
Hội phụ nữ	Hỗ trợ vốn cho người dân Nâng cao ý thức về kế hoạch hóa gia đình	3	Hỗ trợ người dân nghèo tiếp cận nguồn vốn	2	Tình thương yêu từ người dân địa phương (Người đứng đầu hội phụ nữ có lương thấp)	2
Ngân hàng Nông nghiệp	Quản lý nguồn vốn	5	Cho vay (với lãi suất)	3	Thu lãi suất song cũng dễ rủi ro	2,5
Các dự án khác, NAV, SWEDISH, CBCRM...	Hỗ trợ tổ chức các nhóm tự quản, giếng nước, nhà vệ sinh	5	Hỗ trợ các hoạt động trên đầm phá	3	Không rõ	
Công an	Thường xuyên đi tuần tra trên đầm phá Phối hợp với các tổ tự quản thực thi luật	5	Xử lý các trường hợp đánh bắt và các hoạt động vi phạm khác	4	Có lương nhà nước	3
Phòng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	Hỗ trợ các thiết bị khoa học kĩ thuật	5	Không rõ ràng		Không rõ ràng	

Nhóm 4:

Người liên quan	Trách nhiệm	Điểm	Quyền lợi	Điểm	Lợi ích	Điểm
Ngư dân đánh bắt tự nhiên	Tổ chức họp	5	Đánh bắt trên các khu vực cho phép Quyền đặt các ngư cụ cố định	3	Có thu nhập	3
NTTS	Quản lý diện tích NTTS	3	Mua cá con và đặt lồng những nơi họ muốn	3	Thu hoạch và có thu nhập	4
Tổ tự quản và Chi hội nghề cá địa phương	Đi tuần, theo dõi phát hiện các trường hợp vi phạm	5	Giải quyết xung đột thông qua cam kết Tổ chức của chi hội nghề cá địa phương	4	Bảo vệ ngư trường đánh bắt để tái tạo nguồn lợi tự nhiên.	3
UBND xã Điền Hải	Thông báo về các khóa tập huấn, trả lời các câu hỏi và liên hệ với chính quyền cấp trên khi có yêu cầu.	4	Nhắc nhở, giáo dục, xử phạt hành chính ở mức độ nhẹ	3	Thu nhập từ thuế và các khoản xử phạt	2
Chi cục bảo vệ nguồn lợi	Kiểm tra	2	Xử phạt hành chính	1	Thu nhập từ xử phạt hành chính; Lương nhà nước	1
VINAFISH	Cung cấp thông tin về các khóa tập huấn	4	Đề xuất và thành lập các chi hội nghề cá địa phương	4		3
Sở Tài nguyên và Môi trường	Bảo vệ môi trường, thực thi luật bảo vệ môi trường, bảo vệ hệ sinh thái, ngăn chặn các biện pháp đánh bắt mang tính hủy diệt	5	Đưa ra các giải pháp và đề xuất về công ước RAMSAR	5	Hưởng lương nhà nước	3
Ngành du lịch	Không		Không		Không	

